

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30-10 - 2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc Tuấn**

2. Bà **Trần Thị Hoài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị Chiêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 1519/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị G**; Sinh ngày 28-10-1990;

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H. Hôm nay chị G có đơn xin giải Q vắng mặt

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn K**; Sinh ngày 02-10-1990;

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Cơ khí;

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H. (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2019 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Hoàng Thị G trình bày: Chị G và bị đơn anh Lê Văn K trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Có đăng ký kết hôn ngày 26-12-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hạ Giáp, huyện P, tỉnh Phú T. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2012 thì vợ, chồng chị G và anh K phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình vợ, chồng có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ, chồng chị G, anh K đã sống ly thân với nhau từ tháng 4-2019 cho đến nay. Chị G cảm thấy không

thể chung sống với anh K được nữa, nên có quan điểm xin Tòa án giải Q cho chị được ly hôn với anh K để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ, chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Hải Y, sinh ngày 27-01-2012 và cháu Lê Thị Hồng Q, sinh ngày 30-9-2017. Hiện nay hai cháu đang ở với vợ, chồng tại tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và giao cháu Y cho anh Lê Văn K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống vợ, chồng chị G anh K không tạo lập được khối tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về tài sản riêng: Vợ, chồng chị G, anh K không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lê Văn K nhiều lần, nhưng anh K không đến Tòa án để làm việc. Ngày 20-8-2019, Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H. Qua xác minh cho thấy, anh Lê Văn K hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, anh K đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có quan điểm từ chối đến Tòa án để giải Q. Mâu thuẫn gia đình chị G và anh K là do anh K thường xuyên chơi bời, không chăm lo đến gia đình.

Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được vì các đương sự vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Hoàng Thị G có đơn xin giải Q vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa công bố đơn và các lời khai của chị G vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh K và nhận nuôi cháu Lê Thị Hồng Q, sinh ngày 30-9-2017 và giao cháu Lê Thị Hải Y, sinh ngày 27-01-2012 cho anh K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị G và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định. Về tài sản, công nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lê Văn K vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải Q vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải Q vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" của chị Hoàng Thị G đối với anh Lê Văn K.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị G đối với anh Lê Văn K ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Hồng Q, sinh ngày 30-9-2017 cho chị Hoàng Thị G - Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 30-10-2019

Giao cháu Lê Thị Hải Y, sinh ngày 27-1-2012 cho anh Lê Văn K - Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 30-10-2019.

Chị Hoàng Thị G và anh Lê Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ: Chị G và anh K không yêu cầu giải Q nên không xem xét giải Q.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Hoàng Thị G có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải Q việc hôn nhân của chị và anh K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị G và anh Lê Văn K xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 26-12-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hạ Giáp, huyện P, tỉnh Phú T nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chị G, anh K chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh K thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không chăm lo đến gia đình. Chị G và anh K đã sống ly thân với nhau từ tháng 04-2019 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G có đơn xin ly hôn với anh K. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh K cuộc sống chung không hoà hợp, anh K thường xuyên không chăm lo đến gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh K là phù hợp. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Tòa xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị G là phù hợp và bảo đảm cuộc sống cho các cháu Q và cháu Y. Vì chị G và anh K đều có công việc thu nhập ổn định.

Giao cháu Lê Thị Hồng Q, sinh ngày 30-9-2017 cho chị Hoàng Thị G - Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 30-10-2019.

Giao cháu Lê Thị Hải Y, sinh ngày 27-1-2012 cho anh Lê Văn K - Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 30-10-2019.

Chị Hoàng Thị G và anh Lê Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị G và anh K không yêu cầu giải Q nên Tòa án không xem xét giải Q.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị G và anh Lê Văn K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị G đối với anh Lê Văn K.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị G và anh Lê Văn K ly hôn.

3. Về con chung:

Giao cháu Lê Thị Hồng Q, sinh ngày 30-9-2017 cho chị Hoàng Thị G - Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 30-10-2019.

Giao cháu Lê Thị Hải Y, sinh ngày 27-01-2012 cho anh Lê Văn K - Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 30-10-2019.

Chị Hoàng Thị G và anh Lê Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 02341 ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Chị G đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Hoàng Thị G anh Lê Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện V;
- UBND xã Hạ G,
- huyện P, tỉnh Phú T.
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Anh Luyện

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

